

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2022/DS-PT
Ngày: 16/12/2022
V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Trương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 317/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Quốc T, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Ngọc T, sinh năm 1966; địa chỉ: 380 Quốc lộ 91, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Võ Quốc Th, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn Ph, là Luật sư Công ty Luật Hợp danh T – thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ; địa chỉ: 29 Lưu Hữu Phước, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Võ Huỳnh Phương Th, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Ngọc T, sinh năm 1966; địa chỉ: 380 Quốc lộ 91, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- Ông Tô Hoàng P, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Bà Lê Thanh N, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Ông Lê Thành D, sinh năm 1985; địa chỉ: 140 khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng: Bà Tô Thị Hồng S, sinh năm 1946; địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Cha ông Võ Quốc T là ông Huỳnh Thiên S (chết ngày 25/3/2015), mẹ ông T là bà Nguyễn Thị Hồng Đ (chết ngày 30/3/2017), cha mẹ ông T đã ly hôn trước năm 1975 và sống riêng từ đó đến khi chết, bản án ly hôn của cha mẹ ông T đã thất lạc không cung cấp được. Bà Đ và ông S có 03 người con chung: Võ Quốc T, Võ Quốc Th1 (sinh năm 1970, chết ngày 12/11/2018, không có vợ con) và Võ Quốc Th. Bà Đ và ông Th1 chết để lại 01 căn nhà biệt thự trị giá khoảng 500.000.000 đồng và quyền sử dụng đất tại thửa 1069, tờ bản đồ số 3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00019 ngày 19/01/2005 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ có diện tích 976m² tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Bà Đ và ông Th1 chết đều không để lại di chúc nên ông Võ Quốc T và ông Võ Quốc Th là theo pháp luật đối với di sản trên. Tuy nhiên, vào năm 2009, ông Th1 đã mượn của ông T và con gái ông T là Võ Huỳnh Phương Th 08 lượng vàng 24k và 500.000.000 đồng, ông Th1 có lập văn bản viết tay ngày 19/7/2009 đối với việc mượn tài sản này. Sau đó, ông Th1 đã trả được 08 lượng vàng 24k, đến khi ông Th1 chết thì vẫn chưa trả cho ông T số tiền 500.000.000 đồng. Thời gian qua, ông T và ông Th đã nhiều lần thỏa thuận phân chia di sản và nghĩa vụ trả nợ của ông Th1 nhưng không thỏa thuận được. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

Thứ nhất, công nhận các tài sản gồm 01 căn nhà biệt thự trị giá khoảng 500.000.000 đồng và quyền sử dụng đất tại thửa 1069, tờ bản đồ số 3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00019 ngày 19/01/2005 đứng tên hộ bà Nguyễn

Thị Hồng Đ có diện tích 976m² tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ là di sản của bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Võ Quốc Th1.

Thứ hai, yêu cầu ông Th trích từ khối di sản của ông Th1 thanh toán cho ông Võ Quốc T và Võ Huỳnh Phương Th số tiền ông Th1 còn nợ là 500.000.000 đồng.

Thứ ba, yêu cầu cho ông Võ Quốc T được thừa kế phần di sản bằng 50% trong khối di sản của bà Đ và 50% trong khối di sản của ông Th1 sau khi đã khấu trừ phần di sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Th1 là 500.000.000 đồng.

- Theo đơn phản tố và các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Võ Quốc Th trình bày: Ông và ông Võ Quốc Th1 là con chung của ông Võ Thành Tâm (đã chết không rõ năm, cũng không có giấy khai tử) và bà Nguyễn Thị Hồng Đ (chết năm 2017) theo giấy khai sinh, còn ông Võ Quốc T là con riêng của bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông không rõ cha ruột của ông T là ai họ tên gì. Từ nhỏ, ông T ở với ngoại và lớn lên lập gia đình thì ông T ở bên vợ, còn ông và ông Th1 thì sống cùng mẹ. Đối với phần tài sản là căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa 1069, tờ bản đồ số 3, có diện tích 976m² tọa lạc tại ấp T, thị trấn T, huyện T là đều của ông Th1 tạo lập và quyền sử dụng đất thửa 1069 do ông Th1 đứng tên. Khi ông Th1 còn sống, ông Th1 có vay tiền của bà Nguyễn Thị Bé Bảy số tiền 200.000.000 đồng, ông đã thay ông Th1 trả số tiền này cho bà Bảy, ngoài ra, ông Th1 thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng, sau khi ông Th1 chết thì ông cũng trả số nợ này với số tiền 810.000.000 đồng (số tiền này ông vay của ông Lê Thành D), tiền chăm sóc, ma chay, mồ mã cho ông Thắng và bà Đ là khoảng 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng), tiền sửa chữa nhà 244.928.000đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm hai mươi tám ngàn đồng), tổng các khoản này là 1.379.928.000đồng, yêu cầu tính lãi tiền lãi vay số tiền trả nợ ngân hàng cho ông Th1 từ khi ông Th1 chết đến nay với lãi suất 1,66%/tháng x 30 tháng x 1.379.928.000đồng = 687.204.144đồng, nếu ông T đồng ý trả cho ông số tiền 2.067.132.144đồng thì ông đồng ý giao cho ông T toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất của ông Th1 để lại. Theo đơn phản tố ngày 17/01/2022, ông cho rằng ông T chỉ là con nuôi của bà Đ, không phải là anh em ruột với ông và ông Th1 nên ông T không có quyền thừa kế di sản của ông Th1.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Phương Thảo thống nhất với ý kiến của ông Võ Quốc T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tô Hoàng P trình bày: Vào năm 2004, tôi có chuyên nhượng cho bà Đ phần đất thuộc thửa 35, diện tích 251,9m² cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp T, thị trấn T với giá 10.000.000đồng nhưng hai bên chỉ làm giấy tay và Tuấn là người giao tiền cho tôi. Đến năm

2019, Thanh khởi kiện tôi yêu cầu làm thủ tục sang tên và Tuấn ủy quyền cho Thanh khởi kiện, khi hòa giải tại tòa thì hai bên thỏa thuận tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng, hai bên tự ra văn phòng công chứng chứng thực để làm thủ tục sang tên theo quy định, không có việc Thanh giao cho tôi 50.000.000đồng như ông Th trình bày. Tôi không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này, nếu Tòa công nhận phần đất thửa 35, diện tích 251,9m² cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp T, thị trấn T cho nguyên đơn hay bị đơn thì tôi sẽ làm thủ tục sang tên cho người đó.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh N thống nhất với phần trình bày của ông P.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành D trình bày: Vào ngày 02/7/2019, ông Th có hỏi ông số tiền 700.000.000đồng để trả nợ ngân hàng, hai bên có làm biên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, ông Th chỉ mới trả lãi được 04 tháng. Khi ông giao tiền cho ông Th thì ông và ông Th đến Ngân hàng TMCP Kiên Long phòng giao dịch C để làm thủ tục tắt nợ. Ông Th hứa khi nào Tòa án giải quyết xong sẽ trả số tiền này cho ông nên tôi không yêu cầu độc lập trong vụ án, nếu ông Th vi phạm thỏa thuận thì ông sẽ khởi kiện riêng thành vụ án khác.

- Người làm chứng bà Tô Thị Hồng S trình bày: Bà là em ruột của bà Đ, từ nhỏ ông T không sống chung với bà Đ, thời gian bà Đ bệnh đến lúc qua đời thì ông T không chăm sóc, phụng dưỡng, ông Th là người trực tiếp chăm lo cho bà Đ và lo hậu sự. Đến khi ông Th qua đời cũng do ông Th chăm lo, ông T không quan tâm đến. Khi ông Th1 còn sống đã vay ngân hàng và thế chấp tài sản, bà là di nhiều lần cùng ông Th đến nhà ông T để thương lượng tiếp trả nợ cho ông Th1 để giữ nhà hương khó thờ phụng nhưng ông T không đồng ý trả nợ của em trai mình mà đòi bán tài sản và gây cản trở tranh giành thừa kế.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Cần thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 51/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quốc T;
- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Võ Quốc Th;
- Buộc ông Võ Quốc Th giao cho ông Võ Quốc T số tiền 1.335.090.465đồng (một tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu lẻ chín mươi nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) (gồm kỹ phần thừa kế 835.090.465đồng và số tiền ông Võ Quốc Th1 nợ ông T 500.000.000đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Giao quyền sử dụng đất tại thửa 35 (diện tích 251,9m² ODT+CLN) và thửa 1069 (diện tích 897,6m² ODT+CLN), tờ bản đồ số 3, cùng tọa lạc lại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ và những tài sản, vật kiến trúc gắn liền quyền sử dụng đất cho ông Võ Quốc Th (theo Bản trích đo địa chính số 19/TTKTTNMT ngày 05/5/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 19 tháng 7 năm 2022 bị đơn ông Võ Quốc Th và người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm với 2 lý do:

Thứ nhất, cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Thứ hai, cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bị đơn ông Võ Quốc Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người kháng cáo người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Qua chứng cứ phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy quyền sử dụng đất thửa số 35, diện tích 251,9m² cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ đã được chuyển dịch qua cho ông Bùi Tấn Giáo và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1069 (diện tích 897,6m² ODT+CLN), tờ bản đồ số 3, cùng tọa lạc lại ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ hiện do ông Lê Thành D giữ giấy nên cần giải quyết triệt để vấn đề khi chia di sản thừa kế. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa xem xét nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tại phiên tòa phía bị đơn cung cấp chứng cứ mới là quyền sử dụng đất thửa số 35, diện tích 251,9m² tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ được cấp cho ông Bùi Tấn Giáo. Tuy nhiên, tình tiết này cấp phúc thẩm vẫn làm rõ và xét xử được không cần phải hủy bản án sơ thẩm nên đề nghị bác yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

- *Về thực hiện pháp luật:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng.

- *Về hình thức kháng cáo:* Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong hạn luật định và đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên hợp lệ về mặt hình thức.

- *Về nội dung kháng cáo:*

Ông Th cho rằng ông và ông Th1 là con chung của bà Đ và ông Võ Thành Tâm, ông T là con nuôi của bà Đ với ông S, do đó, ông T không phải là anh ruột của ông Th1. Tại Biên bản hòa giải ngày 17/9/2019 (bút lục 167-168), ông Th cho rằng ông T là con riêng của bà Đ, sau đó, ông Th lại cho rằng ông T là con nuôi của bà Đ, ngoài ra theo lời khai của ông P thì quá trình khởi kiện ông thì ông T ủy quyền ông Th khởi kiện ông P, sau đó hai bên thỏa thuận được tự ra văn phòng công chứng chứng thực để làm thủ tục sang tên phần đất thuộc thửa 35, diện tích 251,9m² cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp T, thị trấn T, thành phố Cần Thơ và ông T là người giao tiền cho ông P chứ không phải ông Th. Bà Sến là di ruột ông Th trình bày “*ông T không đồng ý trả nợ của em trai mình mà đòi bán tài sản, nên phát sinh tranh chấp*”. Như vậy, có cơ sở khẳng định ông T là anh ruột của ông Th nên chứng cứ này không phải chứng minh. Do vậy, ông T và ông Th là người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Võ Quốc Th1 theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự.

Do vậy, hàng thừa kế của bà Đ tại thời điểm mở thừa kế gồm 03 người: Võ Quốc T, Võ Quốc Th1, Võ Quốc Th. Hàng thừa kế của ông Võ Quốc Th1 tại thời điểm mở thừa kế gồm 02 người: Võ Quốc T, Võ Quốc Th.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ, Bản trích đo địa chính số 19/TTKTTNMT ngày 05/5/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ nhận thấy:

- *Về di sản:* Nguyên đơn cho rằng di sản của ông Th1 hay của bà Đ thì cũng như nhau và nguyên đơn vẫn được hưởng thừa kế, di sản gồm quyền sử dụng đất thửa 1069, một phần thửa 35 (bà Đ nhận chuyển nhượng của ông P từ năm 2004) 01 căn nhà và vật kiến trúc trên thửa 1069. Bị đơn cho rằng căn nhà và quyền sử dụng đất thửa 1069 là di sản của ông Th1, một phần thửa 35 (ông P đứng tên) thì không thuộc di sản.

Thửa 1069 do ông Th1 đứng tên quyền sử dụng đất và căn nhà do ông Th1 lập hồ sơ, bản vẽ xây dựng, ký hợp đồng xây dựng nên đây là di sản của ông

Th1. Đối với thửa 35, như ông P đã xác định ông đã chuyên nhượng giấy tay cho bà Đ, các bên đã thực hiện xong thủ tục nhận tiền giao đất, tuy nhiên, ông Th cho rằng thỏa thuận chuyên nhượng trước đây giữa bà Đ với ông P đã chấm dứt do bà Đ chưa giao đủ tiền cho ông P, đến năm 2019 ông với ông P thỏa thuận chuyên nhượng lại thửa 35 và ông trả cho ông P 150.000.000đồng, nhưng tại phiên tòa ông Th không cung cấp được biên nhận giao tiền nên việc ông Th cho rằng thửa 35 là tài sản của ông là không có căn cứ và quyền sử dụng đất tại thửa 35 chính là di sản của bà Đ để lại chưa chia như nguyên đơn trình bày là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- *Phần di sản của bà Đ*: Bà Đ chết năm 2017 không để lại di chúc nên phần di sản của bà Đ sẽ chia đều theo pháp luật 03 phần bằng nhau. Di sản của bà Đ để lại là diện tích quyền sử dụng đất 251,9m² tại thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Như vậy mỗi phần thừa kế là $251,9\text{m}^2/3 = 83,9\text{m}^2$.

- *Phần di sản của ông Th1*: ông Th1 được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Đ để lại thuộc thửa 35 nêu trên với kỹ phần là 83,9m². Ông Th1 chết năm 2018 không có vợ con và không để lại di chúc nên phần di sản của ông Th1 sẽ chia đều theo pháp luật cho anh và em của ông Th1 là 02 phần bằng nhau cho ông T và ông Th tại thửa 1069, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ và ngôi nhà trên đất.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Bị đơn Võ Quốc Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Đồng thời, ông Th nộp cho Hội đồng xét xử Hợp đồng chuyên nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th qua cho ông Bùi Tấn Giáo ngày 23/4/2021 và giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 35, tờ bản đồ số 18, địa chỉ ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ, diện tích 251,9m², cấp cho ông Bùi Tấn Giáo ngày 14/5/2021.

Nhận thấy, trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 26/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 08/7/2022, tuy nhiên trong thời gian này ông Th đã chuyên nhượng QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa số 35, tờ bản đồ số 18, địa chỉ ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ cho ông Giáo. Khi đưa vụ án này ra xét xử sơ thẩm Tòa án đã xác định đối với thửa đất số 35 là di sản của bà Đ, khi bà Đ chết không để lại di chúc nên phần di sản của bà Đ sẽ chia đều theo pháp luật 03 phần bằng nhau là ông T, ông Th1 và ông Th. Sau đó, ông Th1 chết không vợ con, không di chúc nên ông T và ông Th được hưởng thừa kế theo pháp luật.

Việc ông Th cung cấp chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm dẫn đến việc phát sinh quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Tấn Giáo, nên đây là tình tiết mới không thể nào Tòa phúc thẩm khắc phục được, nên cần thiết hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung là phù hợp.

Từ những phân tích trên, cần phải hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T đồng thời chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm mới đảm bảo quyền lợi và lợi ích của các đương sự.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm số 51/2022/DSST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; của luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu chia di sản của cha mẹ để lại. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” là phù hợp.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: bà Nguyễn Thị Hồng Đ (chết năm 2017) và ông Huỳnh Thiên S (chết năm 2015), tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản đối chiếu với thời điểm Tòa án nhận đơn và thụ lý vụ án thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 623 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn ông Võ Quốc Th và Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm với 2 lý do:

Thứ nhất, cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Thứ hai, cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa những người có liên quan tham gia vào vụ án.

[4] Nhận thấy, quyền sử dụng đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 18, với diện tích đất là 251,9m² tọa lạc ấp T, thị trấn T, thành phố Cần Thơ đã được cấp sơ thẩm xác định là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Đối với thửa đất này cấp sơ thẩm đã giải quyết chia thừa kế cho những người thừa kế của bà Đ là ông Th và ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn ông Võ Quốc Th đã cung cấp cho Hội đồng xét xử Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05012 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ cấp

cho ông Bùi Tấn Giáo vào ngày 14/5/2021. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì ông Bùi Tấn Giáo được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất đối với thửa số 35, tờ bản đồ số 18, diện tích 251,9m² tọa lạc ấp T, thị trấn T, thành phố Cần Thơ. Như vậy, với chứng cứ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm thì thửa đất này do ông Bùi Tấn Giáo đứng tên chủ sử dụng đất nhưng cấp sơ thẩm đã giải quyết mà không đưa ông Bùi Tấn Giáo vào tham gia tố tụng. Đây là tình tiết mới, cấp phúc thẩm không thể xem xét, giải quyết khi chưa được khi cấp sơ thẩm xác minh làm rõ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu của người kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cũng như đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là phù hợp nên Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật. Việc hủy bản án sơ thẩm được đánh giá là lỗi khách quan, không phải lỗi của cấp sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn và ông D không phải chịu theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chưa giải quyết.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Võ Quốc Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005556 ngày 19/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0005557 ngày 19/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. TP. Cần Thơ;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tuyết Mai

